BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

THUẬN VƯƠNG THUỲ ANH

DẠY HỌC CHỌN NHẠC PHIM CHO SINH VIÊN KHOA NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC
Khoá 16 (2021 – 2023)

Hà Nội, 2023

CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Bảo Lân**

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Vinh Hưng

Phản biện 2: TS. Đỗ Thị Thanh Nhàn

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ tại
Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương
Vào ngày 24 tháng 11 năm 2023

Có thể tìm hiểu luận văn tại:
Thư viện Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Âm nhạc là một loại hình nghệ thuật thời gian, sử dụng âm thanh để diễn tả cảm xúc, nhận thức và tư tưởng, tình cảm của con người. Từ nghệ thuật kiến tạo của những âm thanh, của các chất liệu tiết tấu và sự kết hợp với các phương tiện diễn tả khác, thông qua tai nghe, chúng ta cảm nhận được các hình tượng, các cung bậc của cảm xúc mà âm nhạc mang lại. Nghệ thuật điện ảnh đã tiếp thu những năng lực hàm ý từ âm nhạc. Điện ảnh ngày càng phát triển, thị hiếu và tư duy thưởng thức của người xem phim ngày càng được nâng cao, đòi hỏi những tác phẩm phải có chất lượng ngày một tốt hơn về cả phần nghe lẫn phần nhìn. Thông qua âm nhạc, khán giả vẫn có thể hiểu được ý nghĩa và tính chất của bộ phim, còn tác giả có thể lột tả được hầu hết ý đồ nghệ thuật mà thậm chí không cần lời thoại. Do vậy, nhạc phim trở thành một giá trị thẩm mỹ chỉ riêng điện ảnh mới có.

Trong thực tế, có nhiều bản nhạc phim thành công ghi dấu ấn cho khán giả. Ngược lại, cũng có những bộ phim cẩu thả trong việc lồng ghép nhạc phim làm giảm chất lượng của cả bộ phim. Do đó, nhạc phim không chỉ là yếu tố quan trọng trong quá trình thưởng thức phim mà còn cần được chú ý trong quá trình sản xuất và hậu kỳ phim. Năng lực cảm thụ âm nhạc giúp đạo diễn, biên kịch và những người làm phim thiết lập tông màu của cảnh phim và giúp khán giả đồng cảm với nhân vật một cách tốt nhất.

Tầm quan trọng của âm nhạc trong điện ảnh ngày càng được nhận thức rõ rệt. Qua tìm hiểu sơ bộ việc dạy học chọn nhạc phim thông qua môn Nhạc phim được giảng dạy cho SV khoa Nghệ thuật Điện Ảnh, Trường ĐHSKĐAHN, chúng tôi nhận thấy môn học giúp phát triển năng lực âm nhạc và cảm thụ âm nhạc, giúp SV Điện ảnh có nhận thức và nền tảng cơ bản về âm nhạc để hỗ trợ kiến thức chuyên ngành, đồng thời nâng cao khả năng cảm thụ và sáng tạo nghệ thuật. Sự thiếu hụt hiểu biết về âm

nhạc vả cảm thụ âm nhạc sẽ làm SV có những hạn chế trong sáng tạo nghệ thuật sau khi ra trường. Tuy nhiên, hiện vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn về nội dung kiến thức, phương pháp giảng dạy và những vấn đề khác liên quan đến chất lượng môn học. Việc nghiên cứu về thực trạng dạy học Nhạc phim sẽ giúp nâng cao chất lượng dạy và học chọn nhạc phim, góp phần tạo nên giá trị nghệ thuật của tác phẩm điện ảnh đương đại.

Từ những lý do trên, học viên chọn đề tài ***Dạy học chọn Nhạc phim cho SV Khoa Nghệ thuật Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội*** cho Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và PPDH âm nhạc.

2. Lịch sử nghiên cứu

2.1. Sách

- *Composing for the film* (1947), Théodor W. Adorno & Hanns Eiler, Người dịch Vũ Lương, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

- *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu* (2000), Tú Ngọc chủ biên, Viện âm nhạc, Hà Nội.

- *Lịch sử điện ảnh thế giới* (2006), tác giả David Thomson, nhóm dịch giả Kiến văn, Nxb Mỹ Thuật.

- *Nghệ thuật điện ảnh* (2008), David Bordwell & Kristin Thompson, Nxb Giáo dục.

- Sách *Gọi tiếng cho hình* (2011), tác giả David Sonnenschein, Hoàng Anh - Hoàng Đức Long dịch, Nxb Tổng hợp TP HCM.

- *A history of film music - Lịch sử nhạc phim* (2009), tác giả James Wierzbicki, Nxb Routledge, New York.

- *The art of film music - Nghệ thuật của Nhạc phim* (1994), tác giả George Burt, Northeastern University, USA.

2.2. Giáo trình

- *Giáo trình Âm nhạc điện ảnh* (1986), tác giả Vũ Lương, trường Đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội.

- *Giáo trình nhạc phim* (2010), tác giả Trần Diệu Hiền, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

2.3. Khoá luận, luận văn, luận án

- *Bước đầu tìm hiểu về vai trò và tác dụng của nhạc phim* của Trương Quỳnh Thư (1987), Khoá luận tốt nghiệp, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

- *Vấn đề sử dụng âm nhạc trong phim truyện Việt Nam của một số đạo diễn trẻ* của Nguyễn Thị Huyền Trang (2010), Khoá luận tốt nghiệp, Học viện Âm nhạc Quốc gia.

- *Phân tích phần âm nhạc chuyển soạn trong hai bộ phim hoạt hình Nữ hoàng băng giá và Người bạn hàng xóm Totoro của tôi* của Phạm Phương Nhung (2016), Luận văn Thạc sĩ, Học viện Âm nhạc Quốc gia.

- *Âm nhạc trong phim Trần Anh Hùng* của Vũ Minh Nghĩa (2021), Luận văn Thạc sĩ lý luận Lịch sử điện ảnh truyền hình, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mỗi công trình kể trên đều là lát cắt nghiên cứu rất sâu sắc về nhạc phim. Luận văn này không trùng lặp với công trình, bài viết nào trước đó. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu trên sẽ là tư liệu tham khảo quý giá cho tác giả trong quá trình thực hiện luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu nội dung chương trình dạy học và thực trạng dạy học môn Nhạc phim, nhằm đề xuất những BPDH nhằm nâng cao chất lượng dạy học chọn nhạc phim cho SV Khoa Nghệ thuật Điện ảnh tại Trường ĐHSKĐAHN.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu các vấn đề mang tính lý luận cho việc dạy học chọn nhạc phim.

- Nghiên cứu thực trạng dạy học môn nhạc phim cho SV Khoa NTĐA tại Trường ĐHSKĐAHN.

- Xây dựng các BPDH chọn nhạc phim giúp nâng cao chất lượng dạy học môn Nhạc phim tại Trường ĐHSKĐAHN.

- Thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm nghiệm kết quả NC của luận văn.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các BPDH chọn Nhạc phim cho SV tại Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Trường ĐHSKĐAHN.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: Đề tài nghiên cứu về dạy học chọn nhạc phim thông qua việc giảng dạy môn Nhạc phim cho SV Khoa Nghệ thuật Điện ảnh tại Trường ĐHSKĐAHN. Công việc chọn nhạc phim phản ánh một chuỗi kiến thức về chuyên môn trong Nhạc phim, yêu cầu người học phải có kiến thức tổng hợp về các khái niệm thuật ngữ, lịch sử, đặc điểm, phong cách, thể loại… và một số vấn đề khác của Nhạc phim, kết hợp với chuỗi hoạt động kỹ năng thực hành mới có thể chọn được nhạc phim một cách hoàn chỉnh và có hiệu quả. Dạy học chọn nhạc phim là dạy tổng hợp các kiến thức và kỹ năng giúp người học đạt được mục đích lựa chọn âm nhạc cho phim.

Thời gian nghiên cứu: 2021 - 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu khảo sát thực tế: tham dự, quan sát, ghi chép, chụp ảnh để thu thập thông tin thực tế về dạy học chọn nhạc phim.

- Phương pháp điều tra (phỏng vấn, bảng hỏi) nhằm tìm hiểu thông tin thực tiễn.

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm và nghiên cứu lý thuyết (phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa) nhằm tìm ra cơ sở lý luận, phương

pháp chung, hiệu quả của việc sử dụng âm nhạc trong phim, rút ra đánh giá, nhận định khoa học dựa trên những tài liệu của Việt Nam và thế giới đã có.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả nghiên cứu từ lý luận đến thực hành.

- Các phương pháp so sánh, đối chiếu, tổng hợp, quy nạp và nghị luận nhìn từ góc độ âm nhạc học.

6. Những đóng góp của luận văn

Với luận văn nghiên cứu của chúng tôi, hy vọng đề tài sẽ có những đóng góp về lý luận và thực tiễn như sau:

Về phương diện lý luận: Luận văn làm rõ các khái niệm, thuật ngữ chính trong đề tài; hệ thống hoá các vấn đề về liên quan đến đặc điểm và vai trò của nhạc phim. Có thể trở thành tài liệu tham khảo có ích cho các công trình khác tìm hiểu về nhạc phim.

Về phương diện thực tiễn: Luận văn làm rõ thực trạng và đưa ra một số biện pháp thực tiễn cho việc dạy học môn Nhạc phim, góp phần nâng cao chất lượng dạy học chọn nhạc phim tại Trường ĐHSKĐAHN. Đồng thời có thể làm tài liệu học tập và tài liệu tham khảo tại những môi trường khác có tính tương đồng trong đào tạo như Trường ĐHSKĐAHN.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm:

Chương 1: Khái quát những vấn đề mang tính lý luận về dạy học chọn nhạc phim.

Chương 2: Thực trạng dạy học chọn nhạc phim cho sinh viên Khoa Nghệ thuật Điện ảnh Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.

Chương 3: Biện pháp dạy học chọn nhạc phim cho sinh viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh.

Chương 1
KHÁI QUÁT NHỮNG VẤN ĐỀ MANG TÍNH LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC CHỌN NHẠC PHIM

1.1. Khái niệm

1.1.1. Âm thanh trong phim

Âm thanh trong một bộ phim gồm ba thành phần: tiếng động, lời thoại và âm nhạc. Ở đây, chúng tôi sử dụng thuật ngữ *Âm thanh trong phim* với nghĩa là toàn bộ phần tiếng của phim mà khán giả nghe được bằng tai.

1.1.2. Dạy học, nhạc phim, dạy học chọn nhạc phim

Dạy học là một hoạt động truyền đạt tri thức, kỹ năng từ người dạy đến người học làm cho người học thay đổi về kiến thức, trí tuệ, tình cảm, nhân cách, kỹ năng... Quá trình dạy học chia thành dạy học lý thuyết và dạy học thực hành có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong dạy lý thuyết có thực hành và ngược lại, trong dạy thực hành có lý thuyết.

Nhạc phim là phần âm nhạc đi cùng và đồng bộ với hình ảnh của một bộ phim nhằm hỗ trợ kể truyện phim. Bên cạnh tiếng động và thoại, nhạc phim có tác dụng tạo ra xúc cảm trong từng cảnh phim và cho toàn bộ phim, tác động trực tiếp đến cảm xúc khán giả, đồng thời góp phần thể hiện rõ hình tượng nhân vật cùng chủ đề phim bên cạnh cậu chuyện và hình ảnh.

Dạy học chọn nhạc phim là quá trình hướng dẫn cho SV Điện ảnh có được kỹ năng phân tích, lên ý tưởng chi tiết cho phần âm nhạc của phim. Qua đó, giúp SV có phương tiện ngôn ngữ chung để làm việc với nhạc sĩ và người thiết kế âm thanh, nhằm thể hiện tối đa hóa các ý tưởng, thông điệp của bộ phim bằng ngôn từ, bằng những phác thảo, những sơ đồ.

1.1.3. Biện pháp, biện pháp dạy học

Biện pháp là cách thức để thực hiện một công việc nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. *Biện pháp dạy học* là cách thức được sử dụng trong dạy học nhằm tác động trực tiếp đến người học giúp đạt hiệu quả trong quá

trình truyền đạt tri thức, kỹ năng trong học tập. BPDH có tác dụng làm cụ thể hoá, sinh động hoá cho các PPDH của GV. Tất cả các PPDH được sử dụng đồng thời đều có các BPDH kèm theo. Bởi vậy, các BPDH sẽ rất đa dạng phong phú, mỗi BPDH đều là "yếu tố, bộ phận" cấu thành nên PPDH, có tác dụng giúp PPDH linh hoạt, cụ thể, hiệu quả hơn.

1.1.4. Phương pháp, phương pháp dạy học

Phương pháp là các đường lối và cách thức mang tính hệ thống để giải quyết một vấn đề. Phương pháp là cách thức để đạt tới mục tiêu nhất định, giải quyết những nhiệm vụ nhất định. Phương pháp được xây dựng trên cơ sở nội dung, đặc điểm của đối tượng nhất định, thay đổi theo từng đối tượng nghiên cứu. Phương pháp càng đúng đắn thì hiệu quả của hoạt động càng cao và ngược lại. *Phương pháp dạy học* chính là các đường lối và cách thức mang tính hệ thống, phù hợp với nội dung và điều kiện dạy học cụ thể, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu dạy học xác định.

1.1.5. Cảm thụ, kịch bản, biên soạn

Cảm thụ âm nhạc là khả năng, năng lực tiếp nhận âm nhạc một cách có ý thức, nhằm hình thành khả năng nhận xét, đánh giá âm nhạc, đồng thời diễn tả được những cảm xúc chủ quan của người nghe. Rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc trở nên tinh tế, nhạy bén là điều không thể thiếu được đối với SV nghệ thuật, đặc biệt là với SV chuyên ngành đạo diễn, biên kịch, quay phim điện ảnh của Khoa NTĐA. Kỹ năng âm nhạc này cần được rèn luyện một cách có hệ thống, có phương pháp thì mới đem lại kết quả tốt.

Kịch bản dùng để chỉ một tài liệu hoặc bản thảo ghi đầy đủ nội dung bao gồm mô tả chi tiết hành động, hình ảnh, âm thanh, diễn biến cốt truyện, nhân vật, bối cảnh,… để phục vụ cho khâu sản xuất một sản phẩm, một chương trình, một vở kịch, một bộ phim.

Biên soạn chính là đi thu thập và chọn lọc những tài liệu theo chủ đề

và tổng hợp lại để viết thành sách hoặc một bài viết, một sản phẩm hoàn chỉnh. Việc biên soạn có liên quan mật thiết đến lĩnh vực giáo dục trong việc biên soạn giáo trình, lĩnh vực khoa học đối với tài liệu nghiên cứu,...

1.2. Khái quát về nhạc phim

Trong phần này, chúng tôi khái quát một số vấn đề về sự hình thành và phát triển của nhạc phim; mối quan hệ giữa âm nhạc, hình ảnh và khán giả; các chức năng của nhạc phim; đặc điểm của âm nhạc trong một số thể loại/chủ đề nhạc phim; một số phong cách nhạc phim hiện nay trên thế giới đề làm cơ sở tiếp tục nghiên cứu các phần tiếp theo của luận văn.

1.2.1. Vài nét chính về quá trình hình thành và phát triển nhạc phim

Gắn liền với điện ảnh, nhạc phim cũng chia làm 2 giai đoạn chính: âm nhạc trong phim câm và âm nhạc trong phim có âm thanh.

Trong giai đoạn phim câm, âm nhạc không được hình thành trong quá trình sản xuất bộ phim mà chỉ được ghép vào khi trình chiếu. Trong buổi chiếu phim đầu tiên năm 1895 tại Pháp, anh em nhà Lumier đã sử dụng một cây dương cầm để diễn tấu, hoà âm cùng hình ảnh vừa át đi tiếng ồn của máy chiếu phim, vừa nâng cao hiệu quả hình ảnh được trình chiếu. Về sau, dàn nhạc thính phòng sẽ trình diễn các các bài hát, vũ điệu quen thuộc hoặc tự ngẫu hứng, ứng tác giai điệu để phụ họa cho màn hình chiếu phim. Kiểu nhạc phim này tuy đơn giản nhưng mang tính minh họa cao, dễ liên tưởng tới hành động cụ thể của nhân vật trên màn ảnh, tạo nên không gian âm thanh sống động vốn đang bị thiếu hụt ở chính tác phẩm điện ảnh.

Sau thời đại của phim câm cuối những năm 1890 đến đầu những năm 1930 là sự lên ngôi của phim có tiếng, có âm thanh. Ngày 23/10/1927, Warner Bros - hãng phim lớn của điện ảnh Mỹ thời đó ra mắt bộ phim *The Jazz Singer (Ca sĩ nhạc jazz)*, bộ phim có tiếng nói và âm nhạc đầu tiên trong lịch sử điện ảnh. Trong những năm đầu của thời kỳ này, ngoài việc

chú trọng minh họa hình ảnh, các nhạc sĩ còn cố gắng làm phong phú và biểu hiện chiều sâu của hình ảnh.

Ở nước ta, nhiều nhạc sĩ nổi tiếng trong lĩnh vực sáng tác và soạn nhạc phim như Phạm Tuyên, Hoàng Vân, Đỗ Hồng Quân, Trọng Đài,… đã tạo ra nhiều tác phẩm nhạc phim hiệu quả góp phần vào thành công của Điện ảnh Việt Nam. Tuy vậy, hiện nay nhạc phim Việt Nam có sự sa sút vì nhiều lý do. Trước đây, dù còn hạn chế trong kỹ thuật diễn tấu nhưng mỗi bản nhạc phim thường được dàn nhạc xưởng phim truyện Việt Nam tập dượt công phu. Ngày nay, các nhạc sĩ chỉ cần sử dụng phần mềm hoà âm, phối khí để làm nhạc ít nhiều làm giảm hiệu quả truyền cảm của nhạc phim.

1.2.2. Mối quan hệ giữa âm nhạc, hình ảnh và khán giả

Qua một số công trình nghiên cứu về điện ảnh cho thấy: hình ảnh tác động gián tiếp tới khán giả, còn âm nhạc lại tác động trực tiếp. Trong quá trình xem phim, hình ảnh được khán giả tiếp nhận qua thị giác rồi được truyền thông tin lên não. Trong đầu khán giả sẽ xảy ra quá trình phán đoán, tưởng tượng, liên hệ với kinh nghiệm bản thân về những tình huống đã gặp phải trong cuộc sống thì mới tạo nên cảm xúc, và cảm xúc này chỉ dừng lại ở một biên độ hẹp, thấp nên mới nói rằng hình ảnh chỉ tác động gián tiếp tới cảm xúc của người xem. Ngược lại với hình ảnh, âm thanh, âm nhạc tác động trực tiếp tới người xem thông qua thính giác, khán giả sẽ có cảm xúc ngay lập tức với biên độ rộng hơn rất nhiều.

1.2.3. Đặc điểm âm nhạc trong một số thể loại/chủ đề phim

Chủ đề âm nhạc là một hay nhiều âm hình chủ đạo đã được phát triển đủ để phác họa rõ nét một hình tượng âm nhạc, có nội dung nhất định. Chủ đề âm nhạc trong phim chính là âm nhạc hoá chủ đề của phim. Chủ đề âm nhạc xuyên suốt giúp thể hiện rõ nhân vật, tình cảm và những hình tượng tượng trưng. Chủ đề âm nhạc trong phim rất phong phú, phù hợp với từng thể loại phim khác nhau. Mỗi chủ đề có đặc trưng riêng về âm khu, quãng giai điệu, nhạc cụ sử dụng, kỹ thuật sử dụng...

Ví dụ, với thể loại phim anh hùng, âm nhạc có tính chất khỏe khoắn, hào hung; với chủ đề tình yêu, âm nhạc lại có màu sắc lãng mạn, lung linh; trong phim kinh dị, âm nhạc thường được chơi ở âm khu trầm, giai điệu được tiến hành liền bậc trên những hợp âm nghịch với tính chất cảnh báo, căng thẳng, đầy đe dọa. Ngoài ra còn có rất nhiều thể loại phim khác như: trinh thám, mạo hiểm, hài, tài liệu, lịch sử,... Việc tổng kết kinh nghiệm nghe nhạc về các đặc trưng của ngôn ngữ âm nhạc trong từng thể loại phim giúp SV có được cái nhìn toàn diện, biết cách phân tích chi tiết. Từ đó, nắm bắt được các đặc trưng tiểu biểu của âm nhạc trong từng thể loại phim để sử dụng âm nhạc cho phim một cách phù hợp.

1.2.4. Một số phong cách nhạc phim hiện nay trên thế giới

Nhìn chung, có nhiều phong cách âm nhạc phim khác nhau phụ thuộc vào tính chất của bộ phim mà nhạc đi kèm. Nhạc phim là các ca khúc, tác phẩm hoà tấu có thể bắt nguồn từ nhạc cổ điển, nhạc jazz, rock, pop,… hay bất cứ thể loại nhạc nào trên thế giới. Vì thế, nhạc phim luôn có tính đa dạng, phong phú, linh động. Về cơ bản, có thể chia thành ba phong cách nhạc phim thường được sử dụng trong điện ảnh thế giới hiện nay:

1.2.4.1. Phong cách Tân cổ điển – The New Oldschool

Là sự kết hợp giữa nhạc cổ điển và nhạc đương đại. Phong cách nhạc phim Tân cổ điển không sử dụng máy tính hay nhạc cụ điện tử, được trình diễn và thu âm hoàn toàn bằng dàn nhạc giao hưởng hoặc thính phòng với kinh phí sản xuất cao. Các bộ phim đa số thuộc thể loại Fantasy, Cổ tích.

1.2.4.2. Phong cách sử thi, anh hùng ca – Epic

Phong cách nhạc phim sử thi, anh hùng ca có nội dung và hình thức hoành tráng ấn tượng, là sự kết hợp giữa âm nhạc Cổ điển, Pop, Rock và New wave mang đến cảm giác phóng đại, biểu hiện vẻ to lớn bên ngoài của nhân vật, ẩn đối thoại nội tâm của nhân vật vào bên trong. Được trình diễn và thu âm với công nghệ tối tân, đồ sộ cùng dàn nhạc giao hưởng truyền

thống, ban nhạc với nhạc cụ điện tử, nhạc cụ dân gian. Các bộ phim đa phần là bom tấn Hollywood với kinh phí khổng lồ.

1.2.4.3. Phong cách nghệ sĩ độc lập – Artist Lead

Đa phần sử dụng nhạc điện tử, được sản xuất với quy mô nhỏ và độc lập, mang tính tác giả với sự thể hiện cái tôi cá nhân độc đáo. Phong cách nhạc phim này có tính ứng dụng không cao; tiêu chí đánh giá tùy vào cảm nhận từng người; thường sử dụng trong phim hành động, khoa học viễn tưởng hoặc phim tâm lý, kinh dị với tính siêu thực được đề cao.

1.3. Vai trò của việc dạy học chọn nhạc phim

1.3.1. Đối với nghệ thuật điện ảnh nói chung

Thứ nhất, giúp hình tượng nghệ thuật trong phim được đặc tả cụ thể và rõ nét hơn. *Thứ hai,* giúp tạo màu sắc trong các phân cảnh và trong toàn bộ phim. *Thứ ba*, giúp minh hoạ, hỗ trợ sự chuyển động của hình ảnh. *Thứ tư*, hỗ trợ sắc thái cho các tình huống trong phim. *Thứ năm,* giúp tạo ra không gian ẩn trong cảm nhận của người xem.

1.3.2. Đối với sinh viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh

Thứ nhất, cung cấp kiến thức về các vấn đề thuộc Nghệ thuật Điện ảnh. *Thứ hai*, cung cấp cách thức tư duy các tình huống, sắc thái của nhạc phim. *Thứ ba,* cung cấp cơ sở không gian và lý luận giúp người học có điều kiện trải nghiệm thực tiễn trong việc chọn nhạc phim. *Thứ tư,* góp phần nâng cao chất lượng hướng tới chuyên nghiệp hoá nghệ thuật nhạc phim.

Tiểu kết chương 1.

Trong chương 1, chúng tôi đã làm sáng tỏ khái niệm về Dạy học, Nhạc phim, Biện pháp, Phương pháp, Cảm thụ, Kịch bản, Biên soạn,… Việc khái quát một số vấn đề chính liên quan đến nhạc phim, nêu rõ vai trò của dạy học chọn nhạc phim đối với nghệ thuật Điện ảnh và sinh viên Khoa NTĐA là cơ sở cho việc tìm hiểu thực trạng để nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng dạy học chọn nhạc phim tại đây.

Chương 2
THỰC TRẠNG DẠY HỌC CHỌN NHẠC PHIM CHO SINH VIÊN KHOA NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH

2.1. Khái quát về Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội và Khoa Nghệ thuật Điện ảnh

Trường ĐHSKĐAHN là đơn vị đào tạo lĩnh vực sân khấu, điện ảnh và truyền hình trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, được thành lập ngày 17/12/1980 trên cơ sở sáp nhập 2 trường Trung cấp Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam và Trường Điện ảnh Việt Nam theo Quyết định số 372/CP của Hội đồng Chính phủ. Khoa NTĐA là khoa nòng cốt của Trường được thành lập ngày cùng ngày, hiện đào tạo 4 chuyên ngành Biên kịch điện ảnh; ĐDĐA; Quay phim điện ảnh; Lý luận, lịch sử và phê bình Điện ảnh - truyền hình.

Về cơ cấu tổ chức: Ban giám hiệu đứng đầu với các phòng ban chức năng trực thuộc; Các Viện, trung tâm, phòng ban như Viện SKĐA; Trung tâm Thông tin - Thư viện; Nhà hát thể nghiệm; Xưởng phim thể nghiệm; Phòng Công tác HSSV; Phòng Hành chính - Quản trị…; Các khoa chuyên môn bao gồm Khoa Kịch hát dân tộc; Khoa NTĐA; Khoa Nhiếp ảnh; Khoa Sân khấu; Khoa Truyền hình;...

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học: Trường có khuôn viên rộng rãi với 2 khu nhà chính, trong đó có 43 phòng thực hành và xưởng tập, 05 phòng học máy tính, 02 phòng học ngoại ngữ và 01 khu rèn luyện thể chất với trang thiết bị khá đầy đủ phục vụ cho các bộ môn chuyên ngành, môn nhạc phim và các hoạt động khác.

Về đội ngũ cán bộ, giảng viên: Tổng số đội ngũ cán bộ giảng dạy, hướng dẫn khoa học của Trường là hơn 160 người. Đội ngũ GV của Khoa NTĐA hiện nay là các tiến sĩ, thạc sĩ, NGƯT, NSƯT, NSND có kinh nghiệm trong nghề và trong công tác đào tạo điện ảnh Việt Nam, luôn vững vàng, nhiệt huyết trong xây dựng phát triển Khoa. Khoa vẫn luôn nhận

được sự cộng tác tham gia giảng dạy với các thế hệ nghệ sĩ lão thành như NGƯT, NSND, các nhà lý luận phê bình, đạo diễn, các thế hệ trẻ tiếp nối…

Về đặc điểm tâm, sinh lý và khả năng âm nhạc sinh viên: SV 3 chuyên ngành biên kịch, đạo diễn, quay phim thuộc Khoa NTĐA hầu hết có độ tuổi từ 18 đến 24. Số đông SV năng động, tự tin, tuy nhiên đôi khi lại hơi chủ quan, bất cần, học theo cảm hứng bởi những quan điểm riêng về sáng tạo nghệ thuật của các em. Năng khiếu về cảm thụ âm của SV là tương đối tốt nhưng khả năng nhận biết, mô tả về cảm giác và tính chất âm nhạc, các kiến thức nhạc lý của các em còn hạn chế.

2.2. Chương trình, giáo trình, học liệu của môn Nhạc phim đang được giảng dạy tại Khoa Nghệ thuật Điện ảnh

Về chương trình, Nhạc phim là môn học bắt buộc đối với SV các chuyên ngành Biên kịch điện ảnh, ĐDĐA, Quay phim điện ảnh thuộc Khoa NTĐA; được giảng dạy vào cuối học kỳ 2 năm thứ 2 trong chương trình học, hướng đến mục tiêu giúp SV có được kỹ năng lựa chọn và sử dụng nhạc phim hiệu quả. Thời lượng môn 45 tiết, gồm 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành, 5 tiết ôn tập và kiểm tra.

Về giáo trình và học liệu, hiện nay GV không dùng cố định một giáo trình mà sử dụng nhiều tài liệu khác nhau. Trong đó, *Giáo trình Nhạc phim (dùng cho SV chuyên ngành ĐDĐA)* được GV tự biên soạn để giảng dạy chung cho cả 3 chuyên ngành Biên kịch, Đạo diễn và Quay phim Điện ảnh. Môn học có sử dụng học liệu tài liệu tham khảo dưới dạng văn bản và băng, đĩa, sản phẩm chuyên môn phục vụ học tập.

2.3. Tình hình giảng dạy của giảng viên môn Nhạc phim

2.3.1. Công tác chuẩn bị bài giảng và tổ chức lớp học

GV có tác phong đúng mực, trang phục gọn gàng phù hợp, cử chỉ hoà nhã, lịch sự, nhiệt tình, thân thiện với SV, luôn có mặt tại lớp sớm hơn SV để làm công tác chuẩn bị trước giờ học. GV bảo đảm đầy đủ thời gian

trên lớp, sử dụng tài liệu giảng dạy kết hợp sử dụng trang thiết bị có sẵn tại phòng học như: máy chiếu, loa, đàn organ, ti vi, bảng, dây line,… GV có sự chuẩn bị về giáo án bài giảng, nhưng chỉ ở mức khái quát các ý chính, chưa đi sâu vào cụ thể chi tiết. Việc tổ chức lớp học hầu hết phục vụ cho phương pháp giảng dạy truyền thống. Tuy chưa tận dụng hết hiệu quả của các phần mềm làm nhạc nhưng GV đã có ý thức sử dụng CNTT để hỗ trợ nội một số ít nội dung bài giảng.

2.3.2. Phương pháp giảng dạy

Cách thức giảng dạy truyền thống được sử dụng nhiều trong các giờ học Nhạc phim. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp vấn đáp, phương pháp sử dụng phương tiện dạy học,… Trong một số bài, GV đã áp dụng hệ thống các phương pháp trong dạy học sử dụng nhạc phim. Ngoài ra, GV đã có kết hợp một số PPDH hoạt động tích cực để tạo không khí vui vẻ trong lớp, nhưng chưa thấy các hoạt động nhóm hay phương pháp giao việc theo các dự án,… GV mạnh về lý luận nhưng không thiên về thực tiễn sản xuất nhạc phim. Tình trạng GV áp dụng các phương pháp thuyết trình một cách đơn thuần cũng là một điểm chưa phù hợp với một môn học phức tạp như Nhạc phim.

2.3.3. Việc sử dụng thiết bị dạy học

Các thiết bị phục vụ cho việc dạy học chọn nhạc phim đều đã được Nhà trường cung cấp và sử dụng cho môn học từ lâu như máy chiếu, loa, amply, đàn organ, ti vi, máy chiếu, bảng, dây line,… cùng một số phần mềm làm phim (như Adobe Audition, Adobe Premiere, Final Cut, Davinci,…). Phòng học nhạc có một ti vi 55 inch để chiếu phim và kết nối âm thanh với loa trong các giờ dạy. GV thường sử dụng máy tính, tài liệu và giáo trình lên lớp kết hợp sử dụng các thiết bị dạy học có sẵn tại phòng học. Tuy nhiên, nhiều khi GV chưa sử dụng thành thạo các thiết bị, thường gặp các vấn đề khi thao tác khởi động loa, amply, sử dụng các dây cắm kết

nối âm thanh,… cần đến sự trợ giúp của 1 số SV tại lớp. GV đã có ý thức sử dụng CNTT để hỗ trợ nội một số ít nội dung bài giảng, tuy nhiên rất ít khi sử dụng máy chiếu để phát phim hoặc mượn hẳn phòng chiếu phim làm địa điểm tổ chức giờ học để SV có trải nghiệm thưởng thức các sản phẩm nhạc phim dưới dạng video và audio được hiệu quả, rõ nét hơn.

2.3.4. Việc giao và giám sát bài thực hành cho SV

Bài tập thực hành trên lớp áp dụng chung cho SV của 3 chuyên ngành và theo dõi quá trình, đưa ra các gợi ý chi tiết hướng dẫn SV thực hành. Trong giờ lên lớp GV luôn thực hiện toàn bộ hoặc một phần của các dạng bài tập (làm mẫu), sau đó SV luyện tập theo hướng dẫn. Trước khi hết tiết học, GV hướng dẫn về một số vấn đề chung để SV về nhà tiếp tục luyện tập, đồng thời có nhận xét vài nét về việc thực hiện bài của một, hai SV. Cuối tiết học, GV chuẩn bị một số mẫu bài tập giao cho SV về nhà làm theo nội dung vừa học xong. Bài tập thực hành hiện nay chưa được coi là nội dung bắt buộc đối với mỗi buổi học. Đa phần GV chỉ giao bài thực hành ngay tại lớp chứ không giao về nhà. Có thể thấy, việc giao và giám sát bài thực hành cho SV đã có trong thời lượng môn học nhưng vẫn chưa đủ, trong đó còn một số điểm bất cập cần phải khắc phục.

2.4. Tình hình học tập của sinh viên với môn Nhạc phim

2.4.1. Tinh thần và ý thức học tập

Thực tế khảo sát cho thấy, phần lớn SV yêu thích với các hoạt động âm nhạc, có thái độ tích cực đối với môn học; nhiều SV thể hiện sự quan tâm đến việc được thực hành sử dụng nhạc phim. Trong các em có sự phân hóa rõ ràng: có em thích hát, thích nghe nhạc có lời hoặc không lời, có em thích chơi nhạc cụ và hứng thú với phần phối khí của nhạc phim. Tuy nhiên, SV chưa có sự chủ động tự giác tích cực rèn luyện, chưa chú ý đến từng chi tiết trong lý thuyết, trong phân tích, cảm thụ âm nhạc để ứng dụng vào sáng tác, sử dụng nhạc phim trong kịch bản, tác phẩm của mình.

2.4.2. Năng lực tiếp thu bài

SV chưa được tiếp cận với việc học kiến thức âm nhạc ở các cấp học dưới nên khả năng âm nhạc còn hạn chế. Việc giảng giải mất rất nhiều thời gian do nhiều định nghĩa và các ký hiệu âm nhạc khó hiểu, khó nhớ. Về năng lực tiếp thu bài giảng của SV, phần lớn SV có khả năng cảm thụ âm nhạc, một số ít có khả năng lựa chọn nhạc phim tốt. Thời lượng học môn Âm nhạc cơ bản quá ít trong khi kiến thức lại quá nhiều, còn SV buộc phải có được nền tảng hiểu biết về nhạc lý mới có thể chuyển sang học phần Nhạc phim ngay sau đó một cách hiệu quả được. Do vậy, sau 45 tiết học môn Nhạc phim, nhiều SV chỉ như được làm quen chứ chưa thật sự hiểu kỹ và chưa cảm nhận được rõ tính chất của âm nhạc, chưa phân loại rõ được tính chất đặc điểm âm nhạc riêng của từng thể loại phim.

Những kiến thức về nhạc phim được học trên lớp chỉ là những kiến thức cơ bản. Việc học thêm, tìm hiểu về khác biệt giữa nhạc phim và nhạc độc lập, tính chất hoàn cảnh, cách lựa chọn và sử dụng lại phụ thuộc hoàn toàn khả năng, nhận thức của từng em. Cho nên, sau khi hoàn thành môn học, kỹ năng lựa chọn nhạc phim của SV không đồng đều bởi có những SV lựa chọn nhạc phim rất hiệu quả và ngược lại.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận văn nghiên cứu về thực trạng dạy học chọn nhạc phim thông qua việc tìm hiểu khái quát Trường ĐHSKĐAHN và Khoa NTĐA trên cơ sở vật chất cũng như đội ngũ GV, đặc điểm khả năng của SV. Trên cơ sở đó, chúng tôi nêu ra những ưu điểm và hạn chế trong việc dạy học Nhạc phim tại Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội để đề ra các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng việc dạy học chọn nhạc phim trong chương 3.

Chương 3
BIỆN PHÁP DẠY HỌC CHỌN NHẠC PHIM CHO SINH VIÊN KHOA NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH

3.1. Điều chỉnh nội dung môn học Nhạc phim

3.1.1. Căn cứ và tiêu chí điều chỉnh

Trước khi đi vào các biện pháp cụ thể, chúng tôi đưa ra một số căn cứ cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng dạy học chọn nhạc phim cho SV Khoa NTĐA dựa trên nhu cầu thẩm mĩ sử dụng nhạc phim của thời đại ngày càng đa dạng, phong phú; dựa trên xu hướng giảng dạy hiện nay tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực; dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài đã được nêu ở chương 1 và chương 2. Việc điều chỉnh nội dung chương trình, phân phối thời lượng phù hợp với điều kiện thực tiễn là cơ sở để cải tiến chất lượng dạy học chọn nhạc phim cho SV Khoa NTĐA.

3.1.2. Nội dung điều chỉnh

Một số nội dung điều chỉnh như sau: tăng cường dạy thêm nội dung các bài tập cảm thụ âm nhạc và hình thành ý tưởng chọn nhạc phim; tập trung vào 9 phương tiện diễn tả âm nhạc (giai điệu, hoà âm, tiết tấu, âm sắc, âm vực, cường độ, nhịp độ, phối khí, kết cấu); tăng cường nâng cao hiểu biết về tính năng nhạc cụ và thẩm mĩ nghệ thuật; rút gọn phần lý thuyết xuống 15 tiết, thời lượng phần thực hành lên 25 tiết; bổ sung thêm nội dung dạy cho SV phân biệt và mô tả các tính chất âm nhạc ngay tại lớp.

3.2. Điều chỉnh phương pháp dạy học chọn nhạc phim

3.2.1. Phương pháp dạy các nội dung lí thuyết về chọn nhạc phim

3.2.1.1. Kế thừa và tăng cường tính sinh động trong phương pháp dạy học truyền thống

Để đổi mới việc dạy lý thuyết trước hết, cần thực hiện nêu và giải quyết vấn đề. Đây là phương pháp được dùng trong các môn học khác tại trường và đã mang lại kết quả tốt và tôi sẽ áp dụng vào giảng dạy môn

Nhạc phim. Khi học đến tiết lịch sử hình thành nhạc phim, GV sẽ giao các câu hỏi về các thời kỳ nhạc phim, các nhà soạn nhạc phim nổi tiếng và tác phẩm tiêu biểu cho các nhóm SV từ buổi học trước đó để các em về tìm hiểu thông tin, chuẩn bị câu trả lời cho buổi học sau đó thay vì GV tự giới thiệu như trước đây. Bên cạnh đó, GV tổ chức các nội dung trò chơi giúp SV củng cố hệ thống kiến thức lý thuyết âm nhạc cơ bản, áp dụng vào phân tích tác phẩm và tiếp thu các nội dung chọn nhạc phim.

3.2.1.2. Tăng cường phương pháp cảm thụ âm nhạc

Phương pháp dạy cảm thụ âm nhạc được xây dựng nhằm giúp người học thực hiện các yêu cầu cơ bản sau: *Thứ nhất*, có kiến thức về các phương tiện diễn tả âm nhạc (như giải điệu, tiết tấu, hòa âm, nhạc cụ...), thể loại âm nhạc, phong cách âm nhạc từng thời kỳ... *Thứ hai*, có khả năng đánh giá, nhận xét các phương tiện diễn tả âm nhạc nói riêng và toàn bộ tác phẩm nói chung. *Thứ ba*, biết cách diễn tả những cảm xúc chủ quan của mình trước tác phẩm âm nhạc bằng ngôn từ, bằng ngôn ngữ cơ thể.

Với 3 tiêu chí nêu trên, nội dung âm nhạc cho SV thực hành học cảm thụ cần được xây dựng bao gồm: Nghe tác phẩm, trích đoạn tác phẩm âm nhạc, bao gồm các thể loại thanh nhạc và khí nhạc, lấy từ nhạc trong phim hay nhạc hòa tấu độc lập. Nghe phân biệt các phương tiện diễn tả âm nhạc như giai điệu, hòa âm, tiết tấu, nhịp độ, âm sắc...

3.2.1.3. Tăng cường thảo luận nhóm tại lớp

Khi dạy học chọn nhạc cho phim, GV chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm tối đa 8 người. Yêu cầu SV thực hiện nhiệm vụ như trình bày một số phương pháp sử dụng âm nhạc trong phim và chỉ ra đặc điểm âm nhạc của thể loại phim, sau đó trình chiếu nội dung bằng slide và thuyết trình. Các nhóm tiến hành thảo luận. Hết giờ, đại diện nhóm lên trình chiếu slide nội dung và thuyết trình trước lớp. GV nhận xét và cho điểm hoạt

động nhóm. Ngoài ra, GV có thể chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm tối đa 10 người, yêu cầu SV tìm các bản soundtrack (nhạc phim) từ các nguồn nhạc trên internet theo bảng các tính chất âm nhạc trong vòng 10 phút, tiến hành làm việc theo nhóm rồi lần lượt phát nhạc và trình bày trước lớp. GV nhận xét và cho điểm.

3.2.2. Phương pháp dạy các nội dung thực hành về chọn nhạc phim

Có bốn phương pháp. *Thứ nhất, thực hành cảm thụ âm nhạc thông qua trò chơi*, nhằm hệ thống kiến thức và kỹ năng của bài học, thay đổi không khí học tập, tạo hứng thú cho SV. *Thứ hai, xây dựng kịch bản nhạc phim* giúp SV nắm được quy trình làm việc từ kịch bản gốc của phim sang kịch bản âm nhạc cho phim. *Thứ ba, lựa chọn nhạc chủ đề cho nhân vật trong phim* giúp SV biết cách xây dựng kịch tính phim với những chi tiết điểm xuyết để người xem nhận ra một nhận vật, một tình huống điển hình nào đó. *Thứ tư, giao nhiệm vụ học tập theo dự án* giúp phát triển các kỹ năng chuyên môn mang tính mở, khuyến khích học sinh tìm tòi và hiện thực những kiến thức đã học để tạo ra những sản phẩm của chính mình.

3.3. Tăng cường tính tự học cho sinh viên

3.3.1. Những vấn đề chung về việc tự học

Việc tự học rất giúp người học hiểu sâu, mở rộng, được tự làm chủ, quyết định vấn đề mà bản thân thích, tự có định hướng và đam mê với việc theo đuổi, nghiên cứu. Người học được củng cố và ghi nhớ bài học một cách vững chắc nhờ vào khả năng tự phân tích, tổng hợp tài liệu, từ đó có khả năng vận dụng vào việc chọn lựa và sử dụng nhạc phim trong thực tế.

3.3.2. Hướng dẫn tự học lý thuyết

Để thực hiện tốt nhiệm vụ tự học lý thuyết, SV Khoa NTĐA cần chủ động khai thác, thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả hệ thống tài liệu về dạy học chọn nhạc phim tại thư viện Trường ĐHSKĐAHN. Tích cực khai thác

đa dạng hoá các nguồn tư liệu để SV có thêm điều kiện trau dồi kiến thức liên quan đến Nhạc phim.

3.3.3. Hướng dẫn tự học thực hành

Đối với SV NTĐA nói chung và với SV học môn Nhạc phim nói riêng, các hoạt động tự thực hành đóng vai trò hết sức quan trọng, giúp người học nắm được kiến thức từ chính thực tiễn trải nghiệm của bản thân. Sự phong phú về ý tưởng chọn nhạc phim của SV trong lớp luôn cần được chính họ thực hiện với sự định hướng, hỗ trợ của GV nhằm đạt được hiệu quả thông qua các sản phẩm cụ thể.

3.4. Một số biện pháp khác

3.4.1. Tăng cường hoạt động thảo luận nhóm cho sinh viên

GV chia lớp thành những nhóm SV nhỏ để thực hiện các hoạt động như: thảo luận, đóng vai, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề..., ngoài giờ lên lớp. Chủ đề trong nội dung học nhóm cần bám sát bài học, tiết học theo chương trình, giáo án, giáo trình môn học, kích thích tính tích cực chủ động học của SV. SV phối hợp thực hiện trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV hướng dẫn SV tự tìm hiểu kiến thức và rèn luyện khả năng làm việc tập thể để thấy được vai trò của mình đối với tập thể, tạo cơ hội cho SV được tự thể hiện, hình thành sự tự tin và nâng cao tinh thần trách nhiệm.

3.4.2. Tăng cường hoạt động ngoại khoá cho sinh viên

Tạo một chuỗi các hoạt động nằm ngoài chương trình học chính khoá mang tính tự nguyện, trong đó SV có thể tham gia các hoạt động ngoại khoá trên lớp, ở trường hay ngoài xã hội với nhiều lựa chọn khác nhau tuỳ theo sở thích, sở trường của bản thân với các lĩnh vực như: văn hóa, nghệ thuật, thể thao, từ thiện, tổ chức sự kiện,… Các hoạt động ngoại khoá giúp SV giảm áp lực học tập, tạo niềm vui, hứng thú, nâng cao thể lực, rèn luyện kỹ năng, cọ xát với điều kiện thực tế và mở rộng kiến thức đời sống, xã hội.

3.4.3. Sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học

Phương tiện dạy học là tập hợp những đồ dùng, thiết bị được người dạy học sử dụng như những phương tiện nhằm tổ chức, điều khiển các hoạt động nhận thức của người học, thông qua đó để thực hiện nhiệm vụ dạy học. Trong khuôn khổ các môn học về Điện ảnh, trong đó có môn Nhạc phim, người trực tiếp giảng dạy sẽ phải trực tiếp điều khiển thành thạo các thiết bị dạy học. Vì vậy, mỗi GV cần tự nâng cao năng lực sự dụng phương tiện dạy học của bản thân thông qua các khoá học ngắn hạn, qua đồng nghiệp, hoặc tự mình nghiên cứu, tìm hiểu.

3.5. Thực nghiệm Sư phạm

3.5.1. Mục đích và đối tượng thực nghiệm

3.5.1.1. Mục đích thực nghiệm

Mục đích thực nghiệm là hiện thực hóa và kiểm tra tính đúng đắn các giả thuyết khoa học mà tác giả luận văn đã xây dựng. Đồng thời, triển khai vận dụng bài giảng mà luận văn đã trình bày, từ đó đánh giá tính khả thi và hiệu quả của những biện pháp được nêu trong luận văn.

3.5.1.2. Đối tượng thực nghiệm

Chúng tôi lựa chọn 65 SV từ 3 lớp BKĐA K41, ĐDĐA K41 và QPĐA K41 thuộc Khoa NTĐA làm đối tượng thực nghiệm. Đây là các SV đang học năm thứ 2 (2022 - 2023) và đang học môn Nhạc phim cùng 1 lớp.

Nhóm thực nghiệm (Nhóm 01): 32 SV học theo phương pháp mới.

Nhóm đối chứng (Nhóm 02): 33 SV học theo phương pháp cũ.

Phó chủ nhiệm Khoa Đại điện Khoa tham dự thẩm định cho giờ dạy thực nghiệm.

3.5.2. Thời gian và địa điểm thực nghiệm:

Thời gian thực nghiệm từ 15/03/2023 đến 15/05/2023 (8 tuần), mỗi tuần dạy 1 tiết theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN tại phòng học 302 nhà A2 Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội.

3.5.3. Nội dung và phương pháp thực nghiệm

3.5.3.1. Nội dung thực nghiệm

Tiến hành triển khai dạy học chọn nhạc phim cho 2 lớp (Lớp Thực nghiệm và lớp Đối chứng) để làm thực nghiệm sư phạm. Lớp Thực nghiệm được học những nội dung chưa có trong giáo trình và được giảng dạy theo phương pháp mới, lớp Đối chứng vẫn học chọn nhạc phim theo giáo trình và phương pháp cũ không có gì thay đổi. Cả 2 lớp học đều xuất phát điểm tương đồng nhau về mặt khả năng nhận thức.

Mời GV dự giờ và tiến hành dạy 3 nội dung thực hành cho lớp Thực nghiệm gồm: Dạy học thực hành cảm thụ âm nhạc; Dạy học thực hành lựa chọn nhạc chủ đề cho nhân vật trong phim.; Dạy học thực hành theo dự án.

3.5.3.2. Phương pháp thực nghiệm

Tiết dạy sử dụng một số PPDH như phương pháp dùng lời, phương pháp hướng dẫn thực hành luyện tập, phương pháp dự án, phương pháp sử dụng giáo cụ trực quan (Trình chiếu slide, bản đồ tư duy, đàn organ, máy tính, máy chiếu, loa, các phần mềm,…), phương pháp hoạt động nhóm.

3.5.4. Giáo án và tiến trình thực nghiệm

3.5.4.1. Giáo án

Chuẩn bị các giáo án về 3 nội dung bài thực hành: Thực hành cảm thụ âm nhạc; Thực hành chọn chủ đề âm nhạc cho nhân vật trong phim; Thực hành ghép nhạc vào trích đoạn phim.

3.5.4.2. Tiến trình thực nghiệm

GV tiến hành áp dụng những PPDH mới đã nêu trong luận văn vào giảng dạy 3 bài: Thực hành cảm thụ âm nhạc; Thực hành chọn nhạc nền chủ đề cho nhân vật trong phim; Thực hành ghép nhạc vào trích đoạn phim cho lớp Thực nghiệm rồi so sánh với kết quả học tập của nhóm Đối chứng học theo phương pháp cũ của GV bộ môn. Các bài dạy được tiến hành theo trình tự: hệ thống kiến thức; giới thiệu nội dung bài học mới; quan sát cách tiến hành; thực hành cá nhân, theo nhóm; nhận xét, đánh giá, tổng kết.

3.5.5. Kết quả thực nghiệm

Tiến hành tổng hợp kết quả học tập của SV và khảo sát ý kiến của những người chứng kiến buổi thực nghiệm về chất lượng học tập, số người thích buổi dạy, thu được kết quả như sau:

NHÓM	SĨ SỐ SV	XẾP LOẠI				
		Giỏi (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)	Không đạt (%)
01	32	78,5	21,5	0	0	0
02	33	27,5	55,6	11,7	5,2	0

Bảng tổng hợp kết quả học tập của 2 nhóm sau thực nghiệm

STT	Ý KIẾN	SỐ PHIẾU	TỶ LỆ
1	Không phù hợp/ Không thích	0/31	0%
2	Bình thường	4/31	12,91%
3	Rất phù hợp/ Rất thích	27/31	87,09%

Bảng kết quả khảo sát ý kiến về phương pháp dạy học mới

Tổng hợp kết quả thực nghiệm cho thấy số lượng số phiếu đánh giá tốt về chất lượng học tập, số người thích buổi dạy,… đạt 85% trở lên. Như vậy, các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học chọn nhạc phim luận văn đưa ra được thực nghiệm thành công.

Tiểu kết chương 3

Từ những phân trích trên có thể rút ra kết luận**, v**iệc điều chỉnh nội dung môn học nhạc phim và tăng thời lượng dạy thực hành; việc đề xuất đổi mới phương pháp dạy học nhạc phim; tăng cường tính tự học cho SV trong học phần Nhạc phim; tăng cường hoạt động thảo luận nhóm, hoạt động ngoại khoá và chú trọng việc sử dụng phương tiện dạy học đã hướng đến hiệu quả giảng dạy phù hợp với đặc điểm SV và tính chất đặc thù của dạy học chọn nhạc phim, đáp ứng yêu cầu tích cực hóa đối với hoạt động Điện ảnh trong xu thế hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

NTĐA phát triển nhanh chóng kéo theo sự phát triển của nhạc phim - một phương tiện biểu đạt cảm xúc hữu hiệu cho các nhà làm phim trên toàn thế giới. Vì vậy, dạy học chọn nhạc phim ngày càng trở nên quan trọng trong giảng dạy cho SV chuyên ngành Điện ảnh. Tuy nhiên, nhạc phim hiện giờ là môn học khá mới và chưa được chú trọng. Hiện nay, trên cả nước chỉ có duy nhất Khoa NTĐA trực thuộc Trường ĐHSKĐAHN đang giảng dạy chính quy môn học Nhạc phim nhưng việc dạy học chọn nhạc phim còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại nhiều bất cập. Đây là vấn đề tác giả luận văn quan tâm, vì dạy học chọn nhạc phim có vai trò vô cùng quan trọng trong giáo dục, đào tạo Điện ảnh.

Các biện pháp giúp nâng cao chất lượng trong việc dạy học chọn nhạc phim được xây dựng căn cứ từ cơ sở lý luận và thực tiễn. Đó là: Điều chỉnh nội dung môn học Nhạc phim; Điều chỉnh PPDH chọn nhạc phim; Tăng cường tính tự học cho SV; Đưa ra các biện pháp tăng cường hoạt động thảo luận nhóm cho SV; tăng cường hoạt động ngoại khoá cho SV; sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học. Những kết quả nghiên cứu của đề tài đưa ra hướng đi cần thiết trong đào tạo kiến thức về nhạc phim cho SV chuyên ngành Điện ảnh để sau khi ra trường có thể đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi về sáng tạo nghệ thuật cho ngành Điện ảnh Việt Nam.

2. Kiến nghị

Để thực hiện tốt các biện pháp đã được xây dựng giúp nâng cao chất lượng cho môn học, luận văn đưa ra các kiến nghị như sau: Xem xét, bổ sung GV chuyên dạy các môn về Âm nhạc; Tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp tập huấn nâng cao chất lượng giảng dạy; Bổ sung một số trang thiết bị cần thiết; Xây dựng thêm một số chuyên đề riêng cho 3 chuyên ngành đang cùng học môn Nhạc phim; GV cần tự nâng cao trình độ chuyên môn.